VU LÁN
NÓI VỀ PHỤ TỬ CÔNG HỘI KINH

• Thích Hạnh Tuyết
Giảng viên Học viện Phật giáo tại TP HCM. Hiệu trưởng Trường Ngoại ngữ Thanh Nhàn
Phụ Từ Công Hội Kinh là một trong 16 bài kinh thuộc Ngã Túc Kinh, kinh thứ 15, nằm trong Đại Tạng Đại Chánh Tấn Tu 198 (Purâbhedha Sutta- Sutta Nipāta, Attakavagga 10) do ngài Chi Khíêm dịch.

Hiện kinh này có cai bắn Hán văn và bản tiếng Pali. Bản văn có chữ Hán xuất hiện khoảng thể kỳ thú ba sau Công nguyên, về nội dung đại thể cai hài bắn năm đầu gió nhung như nhau.

Kinh Ngã Túc (Arthapada Sutta) là một trong những kinh xua nhất của Phật giáo nguyên thủy, các nhà khoa học đều công nhận kinh này có sốm nhất và lỗi văn có nhất so với tất cả cai kinh khác, nên kinh Ngã Túc là kinh tiêu biểu, mang trong mình tính của Phật giáo nguyên thủy. Kinh Ngã Túc cũng là một mình chứng cho chúng ta thấy rõ ràng Phật giáo nguyên thủy xuất hiện vào những năm đầu sau khi Phật thành đạo.

Phụ Từ Công Hội Kinh, là bài kinh được Phật giảng trước Phật vế thành Cã Ty Lư Vẻ, thậm quế miến lận đầu, hơn một năm sau khi thành đạo, cai dùng ho Sakya có cách tiếp dẫn Phật rất lòng trọng, dịch thân vua Tịnh Phân cũng cai ra ngoại thành dẫn tiếp Đức Phật. Đồng ho Trích Cả và dẫn chúng trong thành đều rất hoan hỷ y nghe Đức Phật thuyết pháp. Trong pháp hội đó, sau khi moi người nhận nhận nhân năm giờ, có người đặt câu hỏi: "Kinh thùa Phật, thế nào là một vị màu ni, thế nào là một vị thủy tinh lằng, một người có điệu đức hoàn toàn? Chúng con muốn biết. Xin Ngài giải nghĩa cho, thế nào là vị màu ni?"

"Để tiếp nhân đầy điệu giả, chất còn phối nhân diện nhiên thì nơi và phải nói như thế nào cho đúng về bậc tốt thiện có chính kiến, có đầy đủ giả giả, bốn đức sinh ra như một vị anh hưởng trên thế gian, bậc đó đã vượt thoát mọi ràng buộc khổ nạn? Xin Đức Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con.

Câu hỏi làm duyên khởi cho kinh này là làm thế nào để moi người có thể nhân diễn được một con người giác ngộ, tích tĩnh, đức háy đạo trong số những người đáng khó dạy, tâm luận trên đời. Câu hỏi đầy triệng này không những làm lộ icht cho chính chúng trong pháp hội đó, mà còn là kim chỉ nam cho hàng Phật tử sau này trong việc tìm dùng các bậc thiện tri thức có đầy đủ đức hạnh và tri thể làm cho mình tựa, học hỏi, và tự hành đúng theo chính pháp.

Đức Phật tự bì chi rõ ra rằng:

1. "Trước hết đó là một người đã buông bỏ hết tất cả những hạn thụ trong quá kherited, một người không còn mơ tưởng, vương mẹ giái và vấn tương. Và cả chính trong hiện tại người đó cùng không vững vào hữu danh và sự tồn kính của người đối. Người đó là một bậc mẫu mỉ, một người toàn thiện."


Do buông bỏ được tất cả những hạn thụ, phiền muộn nên không còn ưu sự về quá kherited, không mong mới, mà thương hảo huyết trong tương lai nên không tham dâm vào tương lai. Minh không an trú được trong hiện tại, mình chưa có giai thoát. Trên con đường tu tập, vì ấy buông bỏ không còn vương mắc vào tiền tài danh vọng, xa lìa những nhân thủ sai lầm, không còn chấp trước vào bất kỳ một biết kiến, nhân định lịch lê nhỏ của bạn thân. Rất nhiều những nhân triệu, chớm đời, đau thương, phiền não phát sinh từ sự chấp trước vào ấy kiến, nhân định của bạn thân, vì nghĩ rằng cái thấy của mình mỗi là chân lý, còn cái thấy của người khác là sai lầm.

Trong Tám con đường chân chính dưa mọi người đến nơi an vui hành phúc của Đức Phật, thì chính kiến, tục là cái thấy biết chân chính đúng đắn, muốn có chính kiến trước hết phải buông bỏ tất cả các kiến kiến cả tại kiến.

3. "Đã buông bỏ mọi sự hài, đã trở nên vung chia, mọi đường được chân tính, diệt trừ được nỗi nan, không két dô, lòng hoan hi với những gì đáng có, yêu nên sở thành thời.

Vi không ưu sự về quá kherited, không vương mắc vào tương lai, lại buông bỏ được mọi sự tham cầu, không còn chấp vào Cái Ta, nên vị ấy đã nhận thù và vượt qua mọi nỗi sợ hãi, lòng tin chân chính được cũng có vững chải, там không con dao động được ngoài cảnh. Như vậy, những nghi nhân trong lòng của vị ấy tự nhiên tiêu trừ, xa lìa lòng gánh ty, an trù trong hiện tại nhiều mất, tạm luôn an vui với cuộc sống hiện tại. Nhất là nét dòng của vị ấy vào cộng lớn, thành thời và tự tài.

4. "Có khả năng tiết chế, không tham vọng, có nhiều tư giữ, không gánh ghet ai, không nói xấu ai, không trau..."
chười bên ngoài, không nói lời hại chiều, người ấy buồn bò mọi hy vọng và nghĩ ngờ.

Việc ấy có khá nặng làm chủ chính mình, làm chủ cuộc đời mình, không bị lằng thầm dục bến trong hay những lạc thú bên ngoài kéo đi. Đò đi đăng mạng, việc ấy luôn tình giấc, luôn tư tiên thất, điều đó trong an ủng nguy nghi, không bị nói lời cho danh mà, tâm khi hay thói quen. Rất nhiều người thương tự hào vẻ những thành tựu trong sự nghiệp tiến tài danh vọng, đã vì, những suối đời họ sống nội lòng tham dục, sỉ mè của mình mà họ không biết. Thật đáng thương thấy!

Tu tập để ngày càng làm chủ bản thân mình nhiều hơn là một việc rất quan trọng và cần thiết. Với trí tuệ tình tình, việc ấy dần nhờ thật thường các pháp nên đa hoạn toàn xã lối được lòng gánh ghét, đồng khi xã lối nội đời, nơi lời lối hay chiều, nơi lời lối trau chịu chút giá tạo; buồn bò mọi hy vọng không có lời ích thật sự cho sự giác ngộ giác thoát; tâm không còn hoài nghi, ngốc vức vẻ con đường tu hành.

Việc ấy biết rõ, người nhân của khó đau là tham vọng quá nhiều, nên xã lối được dục vồng,

5. "Tâm ý giác thoát, không dâm trục, lừa tu kiên, không thụ đột hư vọng, bước đi an tưởng, người ấy có khả năng giác thoát được mọi tranh chấp, không bị dục kéo đi, và đoàn tụ được mọi dục tước.


Việc ấy nhận rõ ràng, mọi dục tước là do trái giác sai lầm đưa tới ham muốn. Nếu không có dục tước thì sẽ không có ham muốn. Do chúng ta ham muốn tìm cầu nhiều thứ, nào là tiền tài, danh vọng, quyền hạn, sự sắc, việc cử nghi chúng sẽ đem lại cho mình an lạc và hạnh phúc, cho nên chúng ta khó đau nhiều. Còn việc ấy biết rõ, một khi bi viêm vào những thứ đó rồi mình sẽ mất hết hạnh phúc,
thành thơ, an lạc mà chỉ còn lại toàn là đau khổ.

6. "Không muộn toan để đạt tài một cái gì mình muốn, cũng không lo lắng khi mình không có cái kia, người ấy không ở gần, không bị người của ai được sái đâu."

Lòng vị ấy đã trong sạch và sáng suốt, nên không còn muốn toan hay thơ đó để thỏa mãn sự ham muốn bản thân, ngày càng vệ thành tựu được một mức độ nào đó trong tự học, cho nên không buồn phiền, lo lắng hay oan giận khi không có được hay mất thật sự gì. Nhất là vị ấy đã dồn trù được sự lựa chọn, không còn bi nỗi lo chỉ cho ai được. Đây là một điều rất khó làm được, vì só đỉ chúng ta có mất trong cuộc đời này là do ai được; chúng ta trở lại lớn trong sau nèo lưu hồn, chầu đủ mọi đau khổ liên miên cũng là do ai được. Ái được chính là nguồn gốc của sự tình lưu hồn, là nguyên nhân của khó đau, nên xa lạ được ai được thức là an vui giải thoát.

7. "Không tự cảo, thấy được tự tinh bình đẳng và vô ngã, không có mắc cảm thua người hay bằng người; biết quần chiếu, biết định chỉ tâm y, biết cái gì là thiện cái gì là ác và buông bỏ được những sóng vây tu thế luân." Vi ấy quan chiếu sâu và thấy rõ tất cả mọi chúng sinh đều có tính bình đẳng, tất cả các pháp thật sự bình đẳng, đạt đến cái thấy vô ngã, nên xả liều được hành thi điều tu cảo và tự ti, không còn mắc cảm hay tự ti, không còn xót thương lẫn nhau, thưa, bằng với người khác. Vì ấy luôn kiêm soát tâm y không để buông lỏng theo cảnh vật bên ngoài, nhìn thường, hiểu rành các pháp thiện và pháp ác, cũng không kết với thiên ác, suy nghĩ không còn đau vất và sai làm.

 Người chửa đất đến cái nhìn vào ngã, chửa thấu rõ thật tính bình đẳng của các pháp, thì chửa thể xem là bậc đạo được.

8. "Biết quần chiếu và thấy được tự tinh các pháp, không còn bị kẹt vào một pháp nào, không còn ngã tuân vào một pháp nào, cũng không kết vào ý niệm có và ý niệm không." Vi ấy thường tỉnh táo đúng trù quan chiếu, thấy rõ tự tinh của các pháp, bản chất của mọi sự vật hiện tượng, nên không còn bị triều hư hay y nguyên mắc vào bất kỳ pháp nào, cũng không kết với hai đau đớn dài dài có và không, do đó không có gì là không vướng thoát được.


Tâm vị ấy đã tỉnh táo, lòng thâm của cũng không còn, không vơi minh, không ham muốn, không cảm độc, lặc thú trong cơ dục, cơ sầu và cơ sầu không còn làm chỗ tâm vị ấy đào động. Vi ấy thức sự là một người tự tôi đối với các pháp, tâm đã hoàn toàn buông xả, không còn bị cái gọi là sảo đặc trù buộc.

Đó là người đã vượt qua biển sầu khổ đến nơi không còn bể ký ưu lo, phiền muộn gì nữa.

10. "Không cần con trai, không cần ruộng đất, không cần trông bố, không cần của cải, chịu bầu ngày càng nhiều, không còn gì hoặc để nắm bắt hoặc để duỗi xua." Bác dài trì tuế chỉ rõ cho chúng ta thấy được, người mà còn muốn có con trai để nói đối lòng đường, kẻ thứ sành nghề, lòng muốn tô trùm tiến bậc của cải cho nhiều, cải mình không thắng thì chỉ chăn gát, thứ chăn gát thì bo vòng giùi, thứ chăn giùi người ấy không phải là người thanh tịnh, không phải là chân tu, cũng không phải là đạo sự đích thực.

Một bậc đạo sự đích thực là tâm vị ấy thực sự xả lìa được cả hai thái cực ham muốn và gắt ghét, tức là không còn ham muốn bất cứ cái gì, cũng không chuyên gạt bất kỳ cái gì.

11. "Để biết người ta công kích, phi báng, xúc phạm và lên án một cách không có căn cứ, dù có biết các việc phạm chỉ và sa mòn hay cá những người trong giới gọi là tu hành chế bai, người ấy vẫn yên yên bất động, vẫn cứ đường mình đi." Vi ấy là người thầy đạo, đã xác định rõ con đường cần phải đi, tâm ấy đã hoàn toàn an tính sáng suốt, vượt ra ngoài tác động của những sự khen ngợi hay chê bai, tôn kính hay xúc phạm. Tức là khi bị chê bai, xúc phạm, vị ấy không còn ghét ai nọ, ghét ai kia, khi được khen ngợi, tôn kính, vị ấy không cảm thấy tự mình, kẻ khi bị vù oan vi ấy cũng không còn muốn bảo vệ cho mình.


13. "Thấy được tính không, đạt tội vào câu, vô đồ, không có vui cái vai phạm tục của thế gian, tâm đã thụ sự dùng lời, viel muốn vi vượt thoát thế gian, đạt tội bán môn, đi vào biết nghiệp." Vi ấy đã thấu rõ tính không, liều ngữ thực tính của vấn pháp, hiểu hết bản chất của mọi sự vật, hiện tượng, không còn mong câu bất kỳ cái gì, cũng không thấy mình có bất kỳ sở đắc nào, vượt ra ngoài những ham muốn phạm tục của thể gian.

Tầm vị ấy hoàn toàn sáng suốt, sáng suốt và an ổn, ý của vị ấy đã không còn buông lung. Vi ấy thật sự đã vượt ra ngoài mọi sự ràng buộc, giải thoát ra khỏi mọi khó đau trong sinh từ lưu hồn, sạch hết mê lầm và sở hãi, lại còn tự mình, sáng suốt và chúng ngố.

Như vậy, con người trĩu tuế tinh tỉnh của dòng họ Thích Ca đã đích thân mình chu đáo cho tất cả mọi người trên thế gian thấy tapping rõ một điều là: từ một con người bình thường sống trong khoảng đau triền miên, phát triều buồn trong vọng sinh từ lưu hồn như bao người khác, nhờ vào sự n côt cơ cùng tu tâm dùng đường định nghĩa pháp của tự thân, hoàn toàn có khả năng giải thoát bản thân ra khỏi mọi sự ràng buộc, đạt đến an vui, tự do, tự tại với ý nghĩa toàn văn nhất.